

Số: 386/BC - HĐND

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc thực hiện kiến nghị sau giám sát về hỗ trợ phát triển sản xuất Chương trình 30a, Chương trình xây dựng nông thôn mới của Ban Dân tộc HĐND tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 75/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2013 về Chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2014, Ban Dân tộc HĐND tỉnh tiến hành giám sát việc thực hiện kiến nghị sau giám sát về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 30a, Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Ban đã tổ chức 06 cuộc giám sát, 03 đợt khảo sát tại một số xã trên địa bàn các huyện miền núi và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Kết quả giám sát như sau:

I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ SAU GIÁM SÁT VỀ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

Thực hiện chương trình hoạt động giám sát của Ban Dân tộc HĐND tỉnh, tại kỳ họp thứ 4 và thứ 7 HĐND tỉnh khóa XVI, Ban Dân tộc HĐND tỉnh giám sát chuyên đề về việc thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 30a và Chương trình xây dựng nông thôn mới, với 10 vấn đề đã được kiến nghị với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND các huyện miền núi. Qua giám sát kết quả tổ chức thực hiện các kiến nghị sau giám sát, được đánh giá cụ thể như sau:

1. Việc thực hiện kiến nghị về hỗ trợ sản xuất Chương trình 30a

1.1. Về công tác tổ chức triển khai thực hiện

Sau khi có văn bản kiến nghị, UBND tỉnh đã tiếp thu và chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai thực hiện: Tổ chức Hội nghị gồm các sở, ban, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lao động – Thương binh và Xã hội; Kế hoạch và đầu tư; Tài chính; Ban Dân tộc; Chủ tịch UBND 07 huyện nghèo, để bàn giải pháp thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và khắc phục những hạn chế, tồn tại trong việc triển khai hợp phần phát triển sản xuất Chương trình 30a.

Căn cứ kết luận Hội nghị, liên ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính; Lao động-TB&XH đã ban hành Hướng dẫn số 1594/LN: NN-TC-LĐ, TB&XH ngày 30/8/2012 Hướng dẫn thực hiện dự án mua trâu, bò cái sinh sản cho hộ nghèo theo Nghị quyết 30a năm 2012.

Các ngành đã tham mưu cho UBND tỉnh quyết định phân bổ vốn, qui định mức hỗ trợ các loại giống cây trồng, vật nuôi, vật tư sản xuất,... để triển khai thực hiện.

Sở Nông nghiệp có Công văn số 1026/SNN&PTNT ngày 05/6/2013 về việc Hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất theo Nghị quyết 30a của Chính phủ, quy định việc hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi phải đảm bảo xuất phát từ nhu cầu thực tế của hộ gia đình, phù hợp với đất đai, thổ nhưỡng, khí hậu và tập quán canh tác của đồng bào có khả năng tổ chức sản xuất sau khi được tiếp nhận hỗ trợ. Danh mục giống cây trồng, vật nuôi, phân bón hỗ trợ phải được duyệt và có trong quy hoạch, kế hoạch sản xuất của địa phương và phải đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 08/3/2013 về việc thành lập Ban chỉ đạo giảm nghèo nhanh và bền vững tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2013 – 2020; Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2013 – 2020 và phân công trách nhiệm cho từng thành viên Ban chỉ đạo; Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 08/7/2013 phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2013 – 2020. Ban hành văn bản chỉ đạo, đôn đốc UBND huyện, thị xã, thành phố tiến hành củng cố, kiện toàn BCD giảm nghèo bền vững giai đoạn 2013 – 2020 cấp huyện, xây dựng quy chế hoạt động của BCD và thành lập tổ công tác giúp việc BCD.

Đến nay, 100% các huyện đã củng cố và kiện toàn xong BCD, xây dựng quy chế và kế hoạch thực hiện của địa phương.

1.2. Về công tác thông tin tuyên truyền

Đã có nhiều đổi mới về phương pháp, hình thức tuyên truyền phù hợp với nhận thức, văn hóa, phong tục, tập quán của đồng bào các dân tộc; tăng cường tuyên truyền trên phương tiện truyền thanh của xã, thôn bản bằng nhiều thứ tiếng, trong đó phát tiếng dân tộc thiểu số để tuyên truyền về nội dung, chính sách, các chương trình, dự án thực hiện trên địa bàn; những cách làm hay, sáng tạo, gương điển hình, tiên tiến làm kinh tế gia đình giỏi, phổ biến kỹ thuật sản xuất cho bà con học và làm theo. Từ đó cấp ủy, chính quyền, nhất là cơ sở có chuyển biến trong nhận thức về mục đích, ý nghĩa của Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững, thống nhất chủ trương trong cấp ủy để lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, gắn với xây dựng nông thôn mới.

1.3. Kết quả việc thực hiện rà soát hộ nghèo

Về quy trình, cách thức xác định hộ nghèo đã được thực hiện tương đối chặt chẽ, sát đối tượng, một số địa phương đã thường xuyên rà soát, thống kê, đánh giá và phân loại hộ nghèo, cận nghèo để có giải pháp hỗ trợ phù hợp, khắc phục cơ bản trong việc đánh giá các tiêu chí hộ nghèo, cận nghèo; tỷ lệ bình quân giảm nghèo ở các huyện miền núi trong những năm qua đạt từ 4 –

5%/năm. Kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo hàng năm được thực hiện theo kế hoạch và sự chỉ đạo của Trung ương và Tỉnh.

1.4. Về hỗ trợ mua trâu, bò cái sinh sản

Từ năm 2010 – 2012 các huyện nghèo đã hỗ trợ mua được 11.148 con trâu, bò, với tổng kinh phí là 79.051 triệu đồng, giúp cho 15.110 hộ nghèo phát triển sản xuất ổn định cuộc sống. Số đã chết và bán là 820 con (theo báo cáo của các huyện nghèo).

Về kiểm tra số lượng trâu, bò chết và bán: Nguyên nhân chết là do đầu năm 2011 có đợt rét đậm, rét hại kéo dài, vì vậy đã xuất hiện các triệu chứng bệnh viêm da, lở loét, do điều kiện chăm sóc kém, chuồng trại không đảm bảo, thiếu thức ăn đặc biệt vào mùa rét, ý thức, trách nhiệm của người dân còn hạn chế, cùng với tập quán chăn thả gia súc không phù hợp với giống mua ở miền xuôi, ghép 02 hộ mua chung dẫn đến tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, chính quyền địa phương thiếu quan tâm chỉ đạo, cán bộ khuyến nông chưa sâu sát. Qua kiến nghị của Ban, UBND tỉnh đã chỉ đạo địa phương không ghép 2 hộ mua chung, giống phải có sự kiểm dịch an toàn, đảm bảo chất lượng, nâng định mức hỗ trợ từ 5 triệu lên 7 triệu đồng, năm 2014 thực hiện theo Quyết định 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ nâng mức hỗ trợ lên 10 triệu đồng. Tuy nhiên, đối với số trâu, bò chết hoặc bán các địa phương chưa thống kê đầy đủ và có biện pháp xử lý thu hồi hoặc yêu cầu mua lại, chưa kiểm điểm nghiêm túc việc thực hiện.

1.5. Xác định nhu cầu, bình xét hộ tham gia thực hiện dự án

Việc bình xét đối tượng tham gia dự án cơ bản được thực hiện công khai, dân chủ, thực hiện đúng quy trình, bình xét từ cơ sở, căn cứ vào nội dung các chính sách được thụ hưởng, nhân dân lựa chọn nội dung hỗ trợ, UBND xã tổng hợp trình UBND huyện thẩm định, gửi đến các sở, ngành chức năng xem xét trước khi trình UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt. Các mô hình đang phát huy hiệu quả cần được nhân rộng như: Mô hình bón phân viên nén dúi sâu; nuôi lợn cỏ, lợn móng cái sinh sản, nuôi dê...

Công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chính sách, chương trình giảm nghèo được tổ chức ở các cấp, các ngành, nhất là ở cơ sở, qua đó xác định đối tượng thụ hưởng, tổ chức thực thi chính sách, phát hiện những hạn chế bất hợp lý để kiến nghị sửa đổi, bổ sung kịp thời.

Các huyện ban hành quyết định ghi rõ danh sách, số hộ thụ hưởng, địa bàn cư trú và có chữ ký xác nhận của các đối tượng thụ hưởng, thực hiện chặt chẽ, công khai, dân chủ. Huyện có sự chỉ đạo thực hiện tốt chính sách gồm: Thạch Thành và Như Thanh.

1.6. Lồng ghép các chương trình, dự án

Các huyện miền núi đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với việc thực hiện các giải pháp giảm nghèo nhanh và bền vững ở miền núi theo Nghị quyết 09-NQ/TU của Tỉnh ủy và Chương trình xây dựng nông thôn mới. Từ đó lấy thôn, bản làm địa bàn chỉ đạo, kinh nghiệm không chạy theo phong trào, lấy nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp làm trọng tâm, gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Đa số các địa phương đã quan tâm đến việc lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất của Chương trình 30a, Chương trình 135, Chương trình xây dựng nông thôn mới để triển khai thực hiện, tránh trùng lặp hoặc cùng phối hợp huy động các nguồn vốn để thực hiện dự án, phát huy hiệu quả cao nhất.

1.7. Công tác tuyển dụng, tập huấn khuyến nông viên thôn bản

Tổng số khuyến nông viên thôn, bản 07 huyện nghèo là: 915 người/962 thôn, bản, bằng 95%, trong đó: 21 người có trình độ đại học, bằng 2,8%; 36 người có trình độ cao đẳng, bằng 4,8%; 691 người có trình độ trung cấp, bằng 92,4%; hiện nay còn thiếu 47 người (Bá Thước 22 người, Quan Sơn 07, Thường Xuân 18 người).

Đội ngũ khuyến nông viên sau khi được tuyển dụng có những đóng góp nhất định vào phát triển kinh tế - xã hội, giúp bà con sản xuất, canh tác, lựa chọn con giống, phòng trừ sâu bệnh, chuyển giao kiến thức khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi, hướng dẫn bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm sau thu hoạch của nhân dân,... Tuy nhiên, hiệu quả công tác khuyến nông còn rất nhiều hạn chế, lực lượng cán bộ khuyến nông chưa làm nòng cốt trong việc xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất.

1.8. Công tác bàn giao tài sản cho đối tượng quản lý, sử dụng

Việc bàn giao tài sản cơ bản được thực hiện chặt chẽ, khi tiến hành bàn giao đến đối tượng đều có biên bản bàn giao giữa ban quản lý của huyện, UBND xã, đại diện thôn, bản và hộ gia đình. Đối với hỗ trợ trâu, bò nhiều địa phương sử dụng biện pháp bấm tai, có cam kết sử dụng đúng mục đích, không được bán, làm thịt, có trách nhiệm chăm sóc phát triển kinh tế gia đình và cam kết thoát nghèo, giao cho khuyến nông viên thôn, bản mở sổ theo dõi cập nhật thông tin. Nếu trong quá trình nuôi con giống được hỗ trợ bị rủi ro dịch bệnh chết, thì phải báo cáo thôn, bản lập biên bản và phải xác minh công nhận của chính quyền xã.

2. Kết quả thực hiện kiến nghị về hỗ trợ phát triển sản xuất Chương trình xây dựng nông thôn mới

2.1. Về công tác lập quy hoạch, đề án

Được cấp ủy, chính quyền từ xã đến huyện quan tâm, thuê tư vấn khảo sát, thiết kế gắn với từng loại quy hoạch, các huyện Bá Thước, Như Thanh, Cẩm Thủy và Thạch Thành, tập thể UBND và Ban Thường vụ huyện ủy tổ chức họp duyệt bản quy hoạch của từng xã, nên chất lượng quy hoạch đảm bảo, sát thực tế, phù hợp với quy hoạch phát triển đến năm 2020, định hướng tầm nhìn đến năm 2030.

2.2. Về hỗ trợ phát triển sản xuất

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Trung ương, UBND tỉnh đã chỉ đạo Liên ngành: Nông nghiệp và PTNT – Tài chính có văn bản hướng dẫn số 1487/HDLN-SNN&PTNT – TC thực hiện dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất và ngành nghề nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2012 – 2015.

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch phân bổ nguồn vốn, định mức hỗ trợ bình quân cho các xã theo quyết định của UBND tỉnh và dự án phát triển sản xuất được phê duyệt, Chủ tịch UBND huyện phân bổ nguồn vốn cho các xã, các xã thực hiện dự án nhận tiền giao đến các hộ đăng ký tham gia dự án, xây dựng mô hình. Quy trình thực hiện cơ bản đảm bảo dân chủ, công khai, chặt chẽ, một số huyện giao cho các tổ chức mặt trận, đoàn thể - xã hội tham gia giám sát việc thực hiện, nên hạn chế những phát sinh tiêu cực.

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

- Bên cạnh những kết quả đạt được trong việc triển khai thực hiện những kiến nghị của Ban, còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

1.1. Công tác tuyên truyền, triển khai, quán triệt thực hiện các chương trình, dự án đầu tư ở địa bàn miền núi tuy đã được quan tâm, nhưng chưa thật sự sâu sắc; nhận thức của cấp ủy, chính quyền cơ sở và người dân về sự quan tâm của Nhà nước trong việc ban hành các chính sách đầu tư, hỗ trợ cho miền núi, dân tộc còn nhiều hạn chế. Cá biệt còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại, thậm chí thờ ơ, thiếu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư hỗ trợ của Nhà nước.

1.2. Công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện ở cơ sở thiếu tập trung, chưa quyết liệt. Ở nhiều xã, cán bộ xã do trình độ thấp, nên việc tiếp thu các chủ trương, chính sách, biện pháp giảm nghèo nhanh và bền vững để hướng dẫn lại cho dân thực hiện hạn chế.

1.3. Nhận thức và trách nhiệm đối với công tác giảm nghèo nhanh và bền vững của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể ở các xã đặc biệt khó khăn, xã có đông hộ đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống chưa sâu sắc, thiếu toàn diện. Công tác phối hợp chỉ đạo điều hành chưa nhất quán, còn lúng túng. Bản thân các hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước, không muốn ra khỏi hộ nghèo, xã đặc biệt khó khăn.

1.4. Sự phối hợp giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc tỉnh, với các chủ đầu tư chưa thật sự đồng bộ, một số việc còn bất cập trong việc phân bổ vốn, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất. Huy động và lồng ghép các chương trình, dự án và nguồn lực chưa nhiều, chưa khai thác được nội lực tiềm năng thế mạnh để thực hiện có hiệu quả chương trình. Nguồn vốn sự nghiệp để triển khai thực hiện các chính sách theo Nghị quyết 30a phân bổ còn ở mức thấp, phân bổ chậm, nên khó cho cơ sở xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện (Quyết định của UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn vào tháng 4 đến tháng 9/2014 các huyện mới giao vốn cho cơ sở).

1.5. Chỉ đạo tổ chức thực hiện ở một số địa phương thiếu cụ thể, sâu sát, chưa dân chủ bàn bạc trong tập thể lãnh đạo để lựa chọn quyết định nội dung đầu tư, đối tượng được hỗ trợ cho phù hợp. Cơ chế, chính sách đối với người

nghèo đã được ban hành, phù hợp với nhu cầu nguyện vọng của người nghèo nhưng việc tổ chức thực hiện ở một số địa phương chưa hiệu quả; trong lãnh đạo, chỉ đạo chưa coi trọng đúng mức.

1.6. Việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo được xây dựng trên nguyên tắc, đối tượng trọng tâm là người nghèo, hộ nghèo, xã đặc biệt khó khăn, xã nghèo; ưu tiên đối tượng hộ nghèo mà chủ hộ là nữ, hộ nghèo dân tộc thiểu số, đối tượng chính sách. Tuy nhiên, số hộ nghèo tham gia dự án còn ít. Các đoàn thể chính trị - xã hội chưa tham gia hướng dẫn giúp đỡ hộ nghèo là hội viên, đoàn viên của mình quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn được hỗ trợ.

1.7. Định mức hỗ trợ các mô hình chưa thống nhất, có địa phương còn nhầm lẫn giữa hỗ trợ chuyên đổi giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, phân bón với hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông, khuyến ngư theo Thông tư 86/2009/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.8. Việc xây dựng các mô hình phát triển sản xuất, mô hình khuyến nông, khuyến ngư để giảm nghèo đạt được một số kết quả, nhưng còn nhỏ lẻ, phân tán, chủ yếu hỗ trợ cho các mô hình hiện có, hoạt động cầm chừng hết dự án là chấm dứt, chưa duy trì và nhân rộng được mô hình; thiếu tính liên kết chặt chẽ giữa các hộ tham gia. Những mô hình hiệu quả thấp như: Mô hình nuôi chim bồ câu pháp; nuôi chim trĩ; trồng khoai mán; trồng ớt xuất khẩu; phục tráng rừng luồng; nuôi gà.

1.9. Việc giao vốn, cấp phát giống cây trồng, vật nuôi, hỗ trợ sản xuất thường chậm so với thời điểm mùa vụ, một số chưa phù hợp với địa bàn dẫn đến hiệu quả đạt thấp; thủ tục thanh quyết toán theo từng năm nên khó thực hiện hỗ trợ các loại hình sản xuất có thời gian dài hơn một năm như: Trồng cây ăn quả, cây công nghiệp...

1.10. Việc rà soát, kiểm tra số lượng trâu, bò chết, bán, làm thịt ở các huyện nghèo phản ánh chưa sát thực tế; chưa có biện pháp thu hồi hoặc mua lại số trâu, bò đã chết hoặc bán; một số chính sách hỗ trợ chưa thực hiện được như: Hỗ trợ chăm sóc, bảo vệ rừng, hỗ trợ trồng cỏ, hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, khai hoang, phục hóa. Thực hiện các nội dung chính sách chưa đồng bộ, đây là một trong những nguyên nhân hạn chế các chương trình, dự án.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

Một số văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương chưa kịp thời đồng bộ, có nội dung chồng chéo hoặc không còn phù hợp nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ.

Thực hiện dự án chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, địa bàn khó khăn, trình độ sản xuất của đồng bào thấp, năng lực cán bộ cơ sở hạn chế, đưa tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, thâm canh tăng năng suất các loại giống cây trồng, vật nuôi khó khăn.

Chưa khuyến khích được các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm hàng nông sản cho bà con nông dân.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Việc lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục những hạn chế, tồn tại kiến nghị của Ban chưa được các cấp, các ngành quan tâm đúng mức. Chưa có văn bản hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông ở địa phương (theo quy định tại Điều 6 Thông tư 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của liên bộ: Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), nên triển khai thực hiện ở cơ sở lúng túng.

Hướng dẫn hỗ trợ sản xuất Chương trình 30a về đối tượng thụ hưởng chương trình chưa cụ thể, phù hợp với Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 05 năm 2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo nhanh và bền vững từ năm 2011 – 2020 và Quyết định số 1489/QĐ – TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012 – 2015.

Công tác chỉ đạo, điều hành các cấp, nhất là ở cơ sở chưa thật sự dân chủ, thiếu tập trung và chưa quyết liệt; công tác tham mưu, nắm bắt, tổng hợp kết quả thực hiện của cơ quan Thường trực BCD Chương trình hạn chế. Chậm đề xuất các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế ở cơ sở.

III. NHỮNG KIẾN NGHỊ - ĐỀ XUẤT

1. Đối với UBND các huyện miền núi

1.1. Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất, xây dựng mô hình khuyến nông, khuyến ngư, để có giải pháp hỗ trợ phù hợp với từng địa phương. Hướng dẫn chỉ đạo UBND các xã cách thức nhân rộng mô hình có hiệu quả. Tiếp tục xây dựng kế hoạch hỗ trợ trâu, bò cái sinh sản cho trên 50% số hộ nghèo còn lại chưa được hỗ trợ; chỉ đạo tổng hợp nội dung trồng cỏ, làm chuồng trại để thực hiện với hỗ trợ mua trâu, bò trong năm 2015. Tổ chức thẩm định các mô hình, dự án phải đảm bảo chất lượng.

1.2. Tăng cường công tác tuyên truyền, công tác chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các mô hình phát triển sản xuất và ngành nghề nông thôn trên địa bàn; rút kinh nghiệm nghiêm túc trong việc chỉ đạo, điều hành phải dân chủ, bàn bạc thảo luận, thống nhất trong tập thể UBND. Hỗ trợ sản xuất, xây dựng mô hình phải theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện và đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp nông thôn, khuyến khích phát triển các mô hình gia trại, trang trại và các mô hình trình diễn để nhân rộng.

1.3. Tiếp tục đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tham gia quản lý trực tiếp thực hiện các mô hình phát triển sản xuất và ngành nghề nông thôn; chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ khuyến nông viên thôn, bản.

2. Đối với UBND tỉnh và các ban, ngành cấp tỉnh

2.1. Chỉ đạo UBND các huyện nghèo bám sát cơ chế, chính sách của Trung ương, của Tỉnh, Nghị quyết 30a đã được Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 và hướng dẫn của

tỉnh để tổ chức thực hiện trong năm 2015; đồng thời giao kế hoạch vốn cho các huyện về hỗ trợ trâu, bò cái sinh sản đối với các hộ nghèo còn lại.

2.2. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hướng dẫn về định mức hỗ trợ khuyến nông, khuyến ngư ở địa phương theo Thông tư số 183/2010/TTLT BTC-BNN ngày 15/11/2010 của liên bộ: Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông. Hướng dẫn đối tượng thụ hưởng Chương trình 30a bám vào Nghị quyết số 80/NQ-CP của Chính phủ; hướng dẫn hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi phải quy định cụ thể khung từng loại giống cho các huyện để đạt mục tiêu xóa đói giảm nghèo bền vững theo Chương trình đề ra.

2.3. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn cơ sở để tổ chức thực hiện Chương trình; sớm phân bổ nguồn vốn sự nghiệp kịp thời ngay từ quý I để các huyện chủ động triển khai thực hiện dự án trong quý II hàng năm.

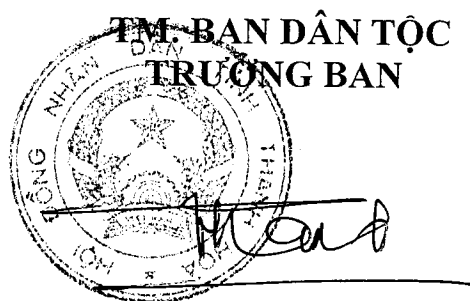
2.4. Chỉ đạo các ngành giải quyết những kiến nghị của các huyện về tranh chấp đất đai, bàn giao đất sản xuất của các Công ty, Ban quản lý rừng cho địa phương, hộ gia đình quản lý để khai hoang, phục hóa.

2.5. Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu tiên cho các doanh nghiệp đầu tư, sản xuất, kinh doanh dịch vụ ở các huyện nghèo. Tổ chức đào tạo, sử dụng lực lượng lao động tại chỗ, giải quyết việc làm cho con em người dân tộc thiểu số. Chỉ đạo các tổng công ty, tập đoàn được giao nhiệm vụ thực hiện việc hỗ trợ kinh phí cho các địa phương theo cam kết.

Trên đây, là báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát của Ban Dân tộc HĐND tỉnh về nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất của Chương trình 30a và Chương trình xây dựng nông thôn mới kính trình HĐND tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (để B/c)
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu tham dự kỳ họp;
- Lưu: VT, DT



Nguyễn Văn Thành